

B NG ấI M H C PH N - M ấN TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 36VHKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 20
(300,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122VH064100504 - Toán H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H V ấ T c N	NG ấY SINH	ấI M TH ấ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấI M THI	QUY TS 50%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3602010049	36VHKT1	Nguy n Th ấ m	16/04/1994					7.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.7	3.4	7.0	3.5	6.8	
2	3602010042	36VHKT1	L u Ng c ấ Dung	07/07/1994					5.0	6.0	6.0	6.0	7.0	6.0	6.0	3.0	1.0	0.5	3.5	
3	3602010030	36VHKT1	Nguy n Tr ấ ng ấ Giang	19/05/1996					5.0	5.0	6.0	5.0	6.0	7.0	5.7	2.9	6.0	3.0	5.8	
4	3602010063	36VHKT1	V ấ Th ấ H nh	05/01/1991					8.0	8.0	7.0	8.0	7.0	8.0	7.7	3.9	8.0	4.0	7.8	
5	3602010089	36VHKT1	T t Ch ấ ấ H ấ ng	05/03/1993					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	3602010012	36VHKT1	L ấ Th Tr ấ ấ Mai	22/04/1997					5.0	7.0	7.0	7.0	8.0	7.0	6.8	3.4	6.0	3.0	6.4	
7	3602010062	36VHKT1	Nguy n Th Y n ấ Phi	26/07/1995					5.0	6.0	6.0	5.0	6.0	6.0	5.7	2.9	8.0	4.0	6.8	
8	3602010052	36VHKT1	Tr n Ch ấ ấ Thanh	22/07/1994					6.0	7.0	6.0	7.0	6.0	7.0	6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
9	3605010005	36VHKT1	Nguy n Minh ấ Th ng	20/06/1995					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	3602010057	36VHKT1	V ồ Tá An ấ Thi ấ n	07/03/1994					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	3602010031	36VHKT1	Nguy n Ng c ấ Th y	02/08/1995					4.0	5.0	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	0.8	0.0	0.0	0.8	
12	3602010086	36VHKT1	V ấ Th Thanh ấ Tr ấ m	22/12/1997					5.0	4.0	5.0	6.0	0.0	0.0	3.3	1.7	1.0	0.5	2.2	
13	3602010077	36VHKT1	Nguy n Ng c ấ V n	21/02/1993					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

T ng s : 13 h c sinh sinh v ấ n

Tp.HCM, ngày / /

Tr ấ ng Khoa

Gi ồ V ấ n B M ấ n

Gi ồ V Khoa